

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

I. Giới thiệu về gói thầu

1. Phạm vi công việc của gói thầu: Thi công xây dựng công trình theo đúng hồ sơ thiết kế được duyệt và theo mô tả công việc mời thầu, khối lượng mời thầu (trong bảng chi tiết hạng mục xây lắp - Mẫu số 01);

- Tên gói thầu: Gói thầu số 01: Thi công xây dựng công trình.

- Tên dự án: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn tại 02 xã thuộc vùng bãi sông Luộc: xã Nguyên Hòa và xã Tống Trân, huyện Phù Cừ theo Đề án Phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế vùng bãi tỉnh Hưng Yên.

- Địa điểm xây dựng: các xã Nguyễn Hòa, Tống Trân (nay là xã Tống Trân).

- Chủ đầu tư: Chi cục Phát triển nông thôn Hưng Yên.

- Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức quản lý dự án theo quy định hiện hành của nhà nước và của tỉnh.

- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh; Ngân sách xã và nhân dân đóng góp.

- Các văn bản pháp lý liên quan:

+ Quyết định số 328/QĐ-UBND ngày 17/7/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên Phê duyệt dự án cải tạo, nâng cấp đường giao thông tại 02 xã thuộc vùng bãi sông Luộc: xã Nguyên Hòa và xã Tống Trân, huyện Phù Cừ theo Đề án Phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế vùng bãi tỉnh Hưng Yên;

+ Quyết định số 1782/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên Phê duyệt điều chỉnh dự án cải tạo, nâng cấp đường giao thông tại 02 xã thuộc vùng bãi sông Luộc: xã Nguyên Hòa và xã Tống Trân, huyện Phù Cừ theo Đề án Phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế vùng bãi tỉnh Hưng Yên;

+ Quyết định số 107/QĐ-CCPTNT ngày 13/11/2025 của Chi cục trưởng Chi cục Phát triển nông thôn tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Cải tạo, nâng cấp đường giao thông tại 02 xã thuộc vùng bãi sông Luộc: xã Nguyên Hòa và xã Tống Trân, huyện Phù Cừ theo Đề án Phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế vùng bãi tỉnh Hưng Yên;

*** Quy mô đầu tư và các chỉ tiêu kỹ thuật chính:**

Quy mô đầu tư:

Cải tạo, nâng cấp đường giao thông tại 02 xã thuộc vùng bãi sông Luộc: xã Nguyên Hòa và xã Tống Trân, huyện Phù Cừ. Tổng chiều dài toàn tuyến L=2.204,75m.

- Đường giao thông nông thôn cấp B.

- Tải trọng trục thiết kế là 2,5 tấn/trục.

- Vận tốc thiết kế chậm trước: 20 Km/h.

- Kết cấu mặt đường: Mặt đường bê tông xi măng mác 250.

Giải pháp kỹ thuật chính:

a) Bình đồ tuyến: Bao gồm 4 tuyến, có tổng chiều dài 2.204,75m; cụ thể như sau:

* Xã Nguyên Hóa gồm các đoạn tuyến:

- Tuyến 1: Điểm đầu từ ruộng ông Bảo (Km0+00) đến cọc H4 (Km0+400); chiều dài tuyến L1 = 400,0m.

- Tuyến 2: Điểm đầu từ công bãi rác đến khu nghĩa trang 2 thôn Sỹ Quý, Hạ Đồng (tuyến chính dài 207m; tuyến nhánh từ đầu bãi rác đến trạm biển thể thôn Sỹ Quý dài 361m); tổng chiều dài L2 = 568m.

- Tuyến 3: Điểm đầu từ công ông Phước; điểm cuối ruộng ông Tô, thôn Sỹ Quý (khoảng 40m đi trùng với đường bê tông hiện trạng); tổng chiều dài L3 = 890m.

* Xã Tổng Trân

- Tuyến 4: Điểm đầu từ công nhà Công Anh đến đường bồi thôn Vồng Phan có tổng chiều dài 589m (trong đó đoạn từ Km0+346,75 - Km0+589 trùng với dự án đang chuẩn bị triển khai thi công). Vì vậy chỉ thiết kế đến Km0+346,75 (ngã tư giao với đường bê tông xi măng hiện trạng); tổng chiều dài L4= 346,75m.

b) Trắc dọc tuyến: Trên cơ sở mặt đường hiện trạng, căn cứ vào các điểm khống chế đầu tuyến, cuối tuyến, điểm giao cắt các tuyến đường đã thi công, thiết kế cao độ mặt đường đảm bảo chiều dày kết cấu và độ êm thuận của tuyến đường, đảm bảo an toàn giao thông.

c) Trắc ngang tuyến:

- Chiều rộng mặt đường: B = 3,5 m, độ dốc ngang mặt đường $i_{\text{mặt}} = 2\%$.

- Chiều rộng lề đường: B = 2x0,75 m = 1,5m, độ dốc ngang lề đất $i_{\text{lề}} = 4\%$.

- Chiều rộng nền đường: Bàn = 5,0 m.

- Độ dốc mái taluy đắp 1:1,5; mái taluy đào 1:1,0.

d) Kết cấu áo đường (từ trên xuống):

- Mặt đường BTXM mác 250 đá 2x4, dày 20cm;

- Móng đường cấp phối đá dăm loại II dày 18cm;

- Móng cát đen đầm chặt K = 0,98 dày 50cm;

Đầm chặt lại nền đường cũ độ chặt K = 0,90 dày trung bình 30cm.

e) Thoát nước:

Cơ bản thoát nước theo hiện trạng, thiết kế mới kênh xây gạch (kích thước BxH=0,8x1,0m) tại vị trí Km0+4,0-Km0+207 bên trái tuyến 2; tại vị trí Km0+55,0-Km0+343,0 bên trái tuyến 4.

Thoát nước ngang:

Thiết kế thay thế, bổ sung các cống ngang đường bằng cống tròn BTCT đúc sẵn đường kính D1000, D600. Cụ thể như sau:

STT	Vị trí	Khẩu độ hiện trạng	Khẩu độ thiết kế mới
1	Km0+42,0; C1 tuyến 1	Cống tròn D800-nội đồng; L=1m	Cống tròn D1000; L=6,0m

STT	Vị trí	Khẩu độ hiện trạng	Khẩu độ thiết kế mới
2	Km0+3,0; C1 tuyến 2	Cống tròn D1000-nội đồng; L=11m	Còn tốt; giữ nguyên
3	Km0+134,0; C1 Nhánh tuyến 2	Cống tròn D300-nội đồng; L=4m	Cống tròn D600; L=5,0m
4	Km0+636,0; C1 tuyến 3	Cống tròn D800-nội đồng; L=3,7m	Cống tròn D1000; L=6,0m
5	Km0+785,5; C2 tuyến 3	Cống tròn D300-nội đồng; L=3,0m	Cống tròn D600; L=5,0m
6	Km0+46,0; C1 tuyến 4	Cống hộp thủy lợi KT 2,0*2,0m; L=9,0m	Còn tốt; giữ nguyên
7	Km0+344,0; C2 tuyến 4	Cống gạch xây-nội đồng; L=3,0m	Cống tròn D600; L=5,0m

g) Thiết kế khác:

- Xây tường gạch chắn mái ta luy đất nhằm ổn định nền đường, hạn chế tối đa việc lấn chiếm mặt bằng theo đề nghị của địa phương (tường xây gạch không nung VXM M75# dày 22cm, cao (60-80) cm; trát tường VXM mác 75, dày 1,5cm; móng tường xây gạch không nung, kích thước BxH=(0,44*0,3)m; đổ BTXM mác 150 lót móng dày 15cm trên lớp đệm dăm dày 15cm; gia cố móng bằng cọc tre, mật độ 16 cọc/1m²) tại các vị trí sau:

TT	Vị trí	Lý trình	Chiều dài (m)
1	Trái tuyến 3	Km0+30,0-Km0+383,0	353,00
2	Trái tuyến 3	Km0+389,0-Km0+500,0	111,00
3	Trái tuyến 3	Km0+504,0-Km0+510,0	6,00
4	Trái tuyến 3	Km0+525,0-Km0+635,0	110,00
5	Trái tuyến 3	Km0+682,0-Km0+729,0	47,00
6	Trái tuyến 3	Km0+772,0-Km0+884,50	112,50
7	Phải tuyến 4	Km0+85,0-Km0+133,0	48,00

- Gia cố cọc tre phen nửa tại các vị trí lán ao, mương (Phen nửa rộng 0,6m, nối chông mỗi nối rộng 0,2m; cọc tre dài 2,5m, khoảng cách 3cọc/md).

- Đắp đất lề đường đất cấp I đầm K=0,90;

- Vuốt nổi: Kết cấu như kết cấu trên mặt đường mới.

2. Thời hạn hoàn thành: Trong thời gian 150 ngày kể từ ngày khởi công xây dựng công trình

II. Yêu cầu về tiến độ thực hiện

Trong khoảng thời gian 150 ngày kể từ ngày khởi công xây dựng công trình.

III. Yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật

1. Yêu cầu về mặt kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Nhà thầu phải tuân thủ các nội dung quy định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính Phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính Phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng và Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính Phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan như:

TT	Tên Tiêu chuẩn	Mã hiệu
1	Tổ chức thi công	TCVN 4055-2012
2	Quy trình thi công và nghiệm thu công tác đất	TCVN 4447-2012
3	Kết cấu gạch đá - Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu	TCVN 4085:2011
4	Thi công và nghiệm thu mặt đường bê tông xi măng trong xây dựng công trình giao thông	TCCS40:2022/TCĐBVN
5	Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường – Thi công và nghiệm thu.	TCVN 8859:2023
6	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối	TCVN 4453:1995
7	Nước cho bê tông và vữa – Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 4506:2012
8	Tiêu chuẩn xi măng Pooc lăng - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 6260:2020
9	Cốt liệu cho bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN7570:2006
10	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ	QCVN 41:2024/BGTVT
11	Các quy chuẩn, tiêu chuẩn khác có liên quan	

- Cung cấp toàn bộ vật tư, vật liệu đúng yêu cầu kỹ thuật theo thiết kế được phê duyệt đưa vào thi công công trình và phải đảm bảo các loại vật tư, vật liệu đưa vào sử dụng đều mới chưa qua sử dụng;

- Chỉ huy trưởng, cán bộ kỹ thuật có kinh nghiệm và đủ năng lực theo quy định đảm bảo thực hiện đúng đắn và đúng thời hạn nghĩa vụ của nhà thầu theo hợp đồng.

- Công nhân kỹ thuật, người lao động phải có trình độ tay nghề phù hợp, đã từng thi công công trình có tính chất tương tự được hướng dẫn, tập huấn trước khi thi công công trình.

- Yêu cầu về chủng loại, chất lượng vật tư, máy móc, thiết bị:

Nhà thầu chứng minh có số lượng, chủng loại, chất lượng và tiến độ huy động máy móc, thiết bị thi công, vật tư, nhân lực đáp ứng yêu cầu thi công công trình đảm bảo chất lượng và tiến độ yêu cầu.

- Nhà thầu phải thi công đảm bảo đúng trình tự thi công theo yêu cầu về mặt kỹ thuật của gói thầu, đúng bản vẽ thiết kế được phê duyệt.

- Nhà thầu phải trình bày biện pháp thi công cụ thể của từng mục công việc với yêu cầu kỹ thuật, đảm bảo an toàn thi công đáp ứng yêu cầu về chất lượng thiết kế được duyệt, quy chuẩn và tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng của công trình.

- Nhà thầu phải thực hiện các biện pháp bảo đảm về môi trường cho người lao động trên công trường và bảo vệ môi trường xung quanh, bao gồm có biện pháp chống bụi, chống ồn, xử lý phế thải và thu dọn hiện trường. Phải thực hiện các biện pháp bao che, thu dọn phế thải đưa đến đúng nơi quy định.

- Trong quá trình vận chuyển vật liệu xây dựng, phế thải phải có biện pháp che chắn bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường.

- Nhà thầu phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về an toàn lao động tại công trình và các hoạt động bên ngoài phạm vi công trình nhưng có liên quan đến việc thi công công trình trong suốt thời gian thi công công trình.

- Căn cứ vào khối lượng, thời gian thi công nhà thầu nêu các biện pháp huy động nhân lực và thiết bị phục vụ thi công đảm bảo tiến độ thi công công trình.

- Biện pháp tổ chức thi công tổng thể và các hạng mục của Nhà thầu đề ra phải khoa học, hợp lý, đảm bảo trình tự thi công theo đúng quy trình, quy phạm hiện hành của Nhà nước, của ngành.

2. Yêu cầu về bảo hành: Thời gian bảo hành công trình là 12 tháng.

IV. Các bản vẽ

E-HSMT này gồm có các bản vẽ trong danh mục sau đây: Các bản vẽ được UBND tỉnh Hưng Yên phê duyệt tại Quyết định số 1782/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 và được Scan đầy đủ, đăng tải đính kèm cùng với E-HSMT.